



chì bǎng

翅膀

Noun · wing [of a bird]

Example Sentences

niǎo yǒu chì bǎng

鸟有翅膀。

Birds have wings.

nà zhī shòu shāng de gē zi chì bǎng shàng hái zhān zhe qīng chén de lù shuǐ

那只受伤的鸽子，翅膀上还沾着清晨的露水。

The injured pigeon still had morning dew on its wings.

hú dié de chì bǎng hěn piào liàng

蝴蝶的翅膀很漂亮。

Butterflies have beautiful wings.

Trace each character, then write the word on your own.

翅	翅	翅	翅	翅	翅	翅	翅	翅	翅	翅
翅	翅									

膀	膀	膀	膀	膀	膀	膀	膀	膀	膀	膀
膀	膀	膀	膀	膀	膀					